

## PHỤ LỤC

### Thời gian tối thiểu và mức tiền tối thiểu bảo hành công tác sửa chữa định kỳ, sửa chữa đột xuất các công trình đường bộ

(Kèm theo văn bản số 4053/TCĐBVN-QLBTĐB ngày 04/8/2016 của Tổng cục Đường bộ Việt Nam)

Số thứ tự	Công trình sửa chữa; Hạng mục sửa chữa	Thời gian bảo hành kể từ khi chủ đầu tư nghiệm thu hoàn thành công trình, hạng mục công trình đưa vào khai thác sử dụng	Mức tiền giữ lại để thực hiện bảo hành so với giá trị hợp đồng của công trình, hạng mục công trình được bảo hành
<b>A</b>	<b>Đối với mặt đường</b>		
	<b>Mặt đường bê tông nhựa (BTN) các loại</b>		
1	Công tác sửa chữa mặt đường bằng thảm bê tông nhựa toàn bộ mặt đường chiều dày lớp thảm $\geq$ 5cm	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3% đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt, 5% đối với công trình cấp II trở xuống
2	Công tác sửa chữa cục bộ, dặm vá mặt đường bằng bê tông nhựa $\geq$ 5cm	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5% đối với mọi cấp
3	Sửa chữa bằng các biện	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3% đối

	pháp cào bóc tái chế lớp móng, mặt đường BTN cũ sau đó thảm BTN trên mặt $\geq 5\text{cm}$		với công trình cấp I, cấp đặc biệt, 5% đối với công trình cấp II trở xuống
	<b>Mặt đường láng nhựa</b>		
4	Láng nhựa 3 lớp trên toàn bộ mặt đường	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5% đối với công trình cấp II trở xuống (Đường cấp I trở lên không láng)
5	Sửa chữa vá, láng cục bộ, láng 2 lớp trên mặt đường cũ	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%
	<b>Gia cố lề, mở rộng lề</b>		
6	Đối với gia cố lề đường	áp dụng như đối với mặt đường tương ứng	
7	Vá các vị trí cốt găm lề đường bằng bê tông nhựa, bằng láng nhựa	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5 %
	<b>Mặt đường bê tông xi măng (BTXM)</b>		
8	Sửa chữa, thay thế các tấm mặt đường BTXM	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3% đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt, 5% đối với công trình cấp II trở xuống
9	Sửa chữa cục bộ các vị trí	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%

	vỡ, nứt mặt đường BTXM		
	<b>Mặt cấp phối</b>		
10	Sửa chữa lại mặt đường bằng cấp phối đồi, cấp phối thiên nhiên và các loại mặt đường đất	Không ít hơn 6 tháng	Không ít hơn 5%
	<b>Mặt đường bằng carboncor và các loại khác</b>		
11	Mặt đường bằng carboncor	Thời gian bảo hành không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3%
12	Bảo trì mặt đường bằng Microsurfacing và các loại vật liệu khác	Chủ đầu tư dự án sửa chữa đường bộ báo cáo đề xuất để Tổng cục ĐBVN chấp thuận	
<b>B</b>	<b>Đối với xây dựng, sửa chữa và gia cố rãnh thoát nước</b>		
13	Xây dựng mới bằng phương pháp đổ tại chỗ, lắp ghép rãnh bê tông, bê tông cốt thép và rãnh đá xây	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 5%
14	Sửa chữa cục bộ rãnh bê tông, rãnh đá xây	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%

<b>C</b>	<b>Xây dựng và sửa chữa công</b>		
15	Xây dựng công mới	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 5%
16	Sửa chữa công cũ	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%
<b>D</b>	<b>Sửa chữa cầu</b>		
17	Sửa chữa kết cấu chịu lực mố, trụ, dầm cầu, làm lại lớp BTcốt thép mặt cầu, thay khe co giãn bằng thép, xây dựng trụ chống va xô tàu thuyền.	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3% đối với cầu là công trình cấp I, cấp đặc biệt, 5% đối với cầu là công trình cấp II trở xuống
18	Sửa chữa lớp phủ mặt cầu bê tông nhựa, láng nhựa, mặt cầu BTXM xe chạy trực tiếp	Áp dụng như đối với mặt đường	
19	Sửa chữa thay gối cầu	Không ít hơn 36 tháng, nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành do nhà sản xuất quy định	Không ít hơn 5 %
20	Sửa chữa lan can, tay vịn, nón mố các hạng mục khác thuộc công trình cầu	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5 %
21	Sơn lại cầu thép	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 5%

<b>E</b>	<b>Các nội dung khác</b>		
22	Các công trình sơn kẻ đường, an toàn giao thông, xây dựng lắp đặt hộ lan phòng hộ an toàn giao thông	Không ít hơn 24 tháng, nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành do nhà sản xuất quy định.	Không ít hơn 5 %
23	Xây dựng kè bê tông cốt thép, kè đá xây	Không ít hơn 36 tháng	Không ít hơn 3%
24	Xây dựng kè rọ đá	Không ít hơn 24 tháng	Không ít hơn 3% đối với công trình cấp I, cấp đặc biệt, 5% đối công trình cấp II trở xuống
25	Sửa chữa hư hỏng kè BTCT, kè đá xây	Không ít hơn 24 tháng	
26	Sửa chữa kè rọ đá	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%
27	Sửa công trình bến phà (không bao gồm phà, poton), sân bãi	Áp dụng như đối với mặt đường	Áp dụng như đối với mặt đường
<b>G</b>	<b>Sửa chữa, thay thiết bị</b>		
28	Mua sắm, thay thế quạt thông gió, trạm biến áp dành cho công trình giao thông và các máy móc thiết bị công nghiệp nặng	Thời gian bảo hành tối thiểu 36 tháng nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành do nhà sản xuất quy định	Không ít hơn 3%

29	Thiết bị thay thế trong quá trình bảo trì (trừ các quy định tại Mục 28)	Thời gian bảo hành tối thiểu 12 tháng nhưng không ngắn hơn thời gian bảo hành nhà sản xuất quy định	Không ít hơn 5%
30	Sửa chữa thiết bị (không bao gồm thay thế thiết bị)	Không ít hơn 12 tháng	Không ít hơn 5%

Lưu ý:

1. Đối với công tác bảo dưỡng công trình xây dựng, Luật Xây dựng 2014, Nghị định số 46/2015/NĐ-CP và các văn bản của Nhà nước không quy định phải thực hiện bảo hành. Do đó các quy định trong bảng trên không áp dụng đối với công tác quản lý, bảo dưỡng thường xuyên.

2. Không áp dụng thời gian và mức tiền bảo hành tại Phụ lục này đối với công trình tạm phục vụ thi công, công tác sửa chữa khẩn cấp đảm bảo giao thông bước 1.